

Bản án số: 08/2018/HS-ST

Ngày: 09-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn M**, sinh năm 1976; Nơi ĐKKHKT: Thôn N Đ, xã P T, huyện U H, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc Minh và bà Lê Thị Nghệ; vợ: Nguyễn Thị Hải; con: có 02 con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 18/12/2017, hiện tại ngoại tại địa P (Có mặt tại phiên tòa).

2. **Phạm Văn H**, sinh năm 1979; Nơi ĐKKHKT: Thôn N Đ, xã P T, huyện U H, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Lai và bà Lê Thị Thả; vợ: Lê Thị Huyền Nga; con: có 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 15/12/2017, hiện tại ngoại tại địa P (Có mặt tại phiên tòa).

3. **Phạm Văn L**, sinh năm: 1983; Nơi ĐKKHKT: Thôn N Đ, xã P T, huyện U H, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Vượng và bà Nguyễn Thị Xung; vợ: Lê Thị Khuyên; con: có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 15/12/2017, hiện tại ngoại tại địa P (Có mặt tại phiên tòa).

4. **Lê Văn L1**, sinh năm 1974; Nơi ĐKKHKT: Thôn N Đ, xã P T, huyện U H, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Khánh và bà Nguyễn Thị Gang; vợ: Hoàng Thị Hoa; con: có 02 con (lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 15/12/2017, hiện tại ngoại tại địa P (Có mặt tại phiên tòa).

5. **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1979; Nơi ĐKHKTT: Thôn N Đ, xã P T, huyện U H, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ve và bà Lê Thị Liễu; vợ: Phạm Thị Hiên; con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 15/12/2017, hiện tại ngoại tại địa P (Có mặt tại phiên tòa).

6. **Lê Đình T**, sinh năm 1971; Nơi ĐKHKTT: Thôn N Đ, xã P T, huyện U H, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân Tấn và bà Phạm Thị Đựng; vợ: Phạm Thị Lờ; con: có 03 con (lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 15/12/2017, hiện tại ngoại tại địa P (Có mặt tại phiên tòa).

7. **Lê Văn P1**, sinh năm 1969; Nơi ĐKHKTT: Thôn N Đ, xã P T, huyện U H, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Châu và bà Nguyễn Thị Nghia; vợ: Phạm Thị Quyên; con: có 07 con (lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 15/12/2017, hiện tại ngoại tại địa P (Có mặt tại phiên tòa).

8. **Phạm Văn N**, sinh năm 1967; Nơi ĐKHKTT: Thôn N Đ, xã P T, huyện U H, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Nhật và bà Phạm Thị Xoa; vợ: Nguyễn Thị Lới; con: có 04 con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 15/12/2017, hiện tại ngoại tại địa P (Có mặt tại phiên tòa).

**Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Văn D – sinh năm 1968 (vắng mặt)

+ Anh Phạm Văn V – sinh năm 1964(vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn T1 – sinh năm 1984(vắng mặt)

Đều có HKTT: Thôn N Đ, xã P T, huyện U H, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 12/12/2017, Lê Văn M đang ở nhà thì có Phạm Văn H, Phạm Văn L, Lê Văn L1, Nguyễn Văn P, Lê Đình T, Lê Văn P1, Phạm Văn N, Phạm Văn V, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn D đều đến chơi, uống

nước. Trong lúc uống nước, Lê Văn L1 nói với Lê Văn M: “*Hôm nay mưa - gió cho anh em chơi liêng một lúc*”, M nói “*Ừ*” và lấy bộ bài tú lơ khơ cũ gồm 52 quân bài có sẵn trên mặt bàn để xuống chiếu ở ngoài sân để mọi người chơi “*Liêng*”. Sau đó anh M ra vông nằm ở cạnh đó còn Phạm Văn H; Phạm Văn L; Lê Văn L1; Nguyễn Văn P; Lê Văn T; Lê Văn P1 và Phạm Văn N ngồi xuống đánh liêng sát phạt nhau bằng tiền. Còn anh Phạm Văn V; Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn D không chơi ngồi uống nước và xem mọi người đánh bạc. Đến 22 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Ứng Hòa bắt quả tang cùng với vật chứng của vụ án gồm:

- Thu dưới chiếu bạc tiền Việt Nam: 1.000.000đ (*Một triệu đồng*); 01 bộ Tú lơ khơ 52 quân.

Thu giữ tiền mặt trên người của các đối tượng (tiền VNĐ):

- Lê Văn M: 500.000đ; - Phạm Văn H: 100.000đ;
- Phạm Văn L: 350.000đ; - Lê Văn L1: 450.000đ;
- Lê Văn P1: 170.000đ; - Phạm Văn N: 4.500.000đ.

Các đối tượng thống nhất thể lệ, cách thức, mức độ đánh bạc dưới hình thức đánh “*Liêng*” như sau: Đầu tiên mỗi người bỏ vào giữa chiếu bạc 5.000đ, sau đó chia cho mỗi người chơi bài ba quân tú lơ khơ. Sau khi chia bài xong thì người chia bài được quyền “*tố*”, ai theo thì bỏ tiền ra giữa chiếu bạc, mức độ “*tố*” tùy theo người “*tố*”, nhưng “*tố*” cao nhất không quá 30.000đ, ai không tố theo thì úp bài vào nọc và thua số tiền đã bỏ ra giữa chiếu, sau đó đến người liền kề bên phải “*tố*” tiếp. Cứ như vậy, đến khi không có ai theo thì người “*tố*” cuối cùng thắng và được thu số tiền đã gom trên chiếu bạc.

Trong trường hợp, nếu tất cả mọi người chơi thống nhất không “*tố*” nữa thì ngửa bài, bài ai to nhất thì người đó thắng, bài to- nhỏ được xếp thứ tự như sau: Bài to nhất là “*sấp*”, đó là ba cây trên bài cùng loại như nhau, ví dụ: ba cây hai hoặc ba cây ba ...; “*Sấp*” được tính to dần từ 2 đến át; Bài to thứ hai là “*Liêng*”, đó là ba cây trên bài liên tiếp nhau, ví dụ như: 2, 3, 4; “*Liêng*” cũng được tính to dần từ 2 đến át; Bài to thứ ba là “*ảnh*”, nghĩa là ba cây trên bài đều có hình người, ví dụ như: J, Q, K. Nếu bài không thuộc trường hợp trên thì cộng điểm, cộng lại hơn 10 thì lấy hàng đơn vị để so (*trừ cây có hình người*). Điểm Không là bét nhất, điểm 9 là to nhất, người nào thắng thì được chia bài và “*tố*” đầu tiên của ván tiếp theo, Các đối tượng đánh bạc đến 22 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Ứng Hòa bắt quả tang.

Với hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 25 tháng 01 năm 2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa đã truy tố các bị cáo Lê Văn M, Phạm Văn H, Phạm Văn L, Lê Văn L1, Nguyễn Văn P, Lê Đình T, Lê Văn P1 và Phạm Văn N về tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của BLHS.

Tại phiên toà: Các bị cáo đã thừa nhận hành vi như bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn M và Phạm Văn N mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Áp dụng khoản

1 Điều 248 BLHS năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 36 BLHS xử phạt Phạm Văn H, Phạm Văn L, Lê Văn L1, Nguyễn Văn P, Lê Đình T và Lê Văn P1 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân; trả lại bị cáo M 500.000đ; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 6.570.000đ. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà các bị cáo nhận tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, lời khai của bị cáo này là bằng chứng cho lời khai của bị cáo kia và phù hợp với vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Tối ngày 12/12/2017, Lê Văn M ở N Đ, P T, U H đã cho Phạm Văn H; Phạm Văn L; Lê Văn L1; Nguyễn Văn P; Lê Đình T; Lê Văn P1; Phạm Văn N đều ở N Đ, P T đánh bạc (đánh Liêng) sát phạt nhau, được - thua bằng tiền tại Nhà ở của mình và đã bị Công an huyện Ứng Hòa bắt quả tang. Tổng số tiền thu giữ 6.570.000đ đã chứng minh các bị cáo đã và sẽ sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc không có sự tổ chức, không thu hồ phé, không có người canh gác. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999 (Nay là Điều 321 BLHS 2015). Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến lối sống lành M của khu dân cư và là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình và các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo

[2] Xem xét về tính chất, vai trò của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội: Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo M đã dùng nhà ở của mình và chuẩn bị tú lơ khơ để các bị cáo khác đánh bạc; bị cáo N là người có số tiền tham gia đánh bạc lớn nhất. Do vậy, bị cáo M và bị cáo N phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Đối với các bị cáo H, L, L1, T, P và P1 đều phạm tội có mức độ và có vai trò ngang nhau trong vụ án nên cần áp dụng hình phạt ngang nhau.

[3] Xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cho các bị cáo trong vụ án: thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra cũng như tại toà

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo Lê Văn M mặc dù không trực tiếp tham gia chơi đánh bạc nhưng đã dùng nhà của mình và chuẩn bị công cụ P tiện để cho các bị cáo khác chơi đánh bạc; bị cáo Phạm Văn N là người chơi có số tiền lớn nhất nhưng cả hai bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Phạm Văn H, Phạm Văn L, Lê Văn L1, Nguyễn Văn P, Lê Đình T và Lê Văn P1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều làm ruộng, không có thu nhập ổn định, gia đình hoàn cảnh khó khăn nên cần miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Đối với anh Phạm Văn V; Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn D không chơi đánh bạc mà chỉ ngồi uống nước và xem mọi người đánh bạc do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 500.000đ thu giữ của bị cáo Lê Văn M, Cơ quan điều tra đã chứng minh M không đánh bạc và không dùng để đánh bạc cần trả lại cho bị cáo M còn số tiền 6.570.000đ (*Sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*) các bị cáo đã và sẽ sử dụng để đánh bạc cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước và tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân là phù hợp với Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 (nay là Điều 321 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017); điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 66; Điều 65; Điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn M, Phạm Văn H, Phạm Văn L, Lê Văn L1, Nguyễn Văn P, Lê Đình T, Lê Văn P1 và Phạm Văn N phạm tội “Đánh bạc”.

2. Xử phạt Lê Văn M và Phạm Văn N mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Lê Văn L1, Phạm Văn L, Lê Đình T và Nguyễn Văn P mỗi bị cáo 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giữ được trừ 12 ngày tạm giữ (Thời hạn tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 15/12/2017). Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Xử phạt Phạm Văn H và Lê Văn P1 mỗi bị cáo 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 12 ngày tạm giữ (Thời hạn tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 15/12/2017). Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

* Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi thường trú của các bị cáo và gia đình để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách và cải tạo.

* Trong thời gian thử thách nếu bị cáo M và bị cáo N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Lê Văn M 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*). Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 6.570.000đ (*Sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*). Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân. (*Tình trạng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hoà ngày 07/02/2018 và Giấy ủy nhiệm chi ngày 29/01/2018*)

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Công an huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- UBND xã nơi bị cáo ĐKTT;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Minh